

Số: 503 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp
điều phối trong 08 dự án của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công
trình giao thông tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ quy định của Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017;

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4447 : 2012 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển từ thể tích đất tự nhiên sang đất toi;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành bảng giá tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 492/TTr-STNMT ngày 13/12/2023 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp điều phối trong 08 dự án của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp điều phối trong 08 dự án của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Là các đơn vị thi công của từng gói thầu theo từng dự án, khối lượng đã thi công (*chi tiết có biểu kèm theo Quyết định này*).

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):

Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là đất, đá làm vật liệu san lấp (G) = **60.000 đồng/m³**.

3. Tổng số tiền phải nộp theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại thời điểm phê duyệt: **4.304.258.000 đồng** (*Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm linh bốn triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*); với khối lượng đất, đá san lấp là: **2.517.110 m³**.

4. Tổng số lần nộp: 01 lần.

5. Diện tích tại địa bàn huyện: Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang.

Điều 2. Các tổ chức, cá nhân nộp tiền nêu tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm nộp tiền đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; người đại diện theo pháp luật của các đơn vị thi công nêu tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này; thủ trưởng các tổ chức và cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản VN;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh;
- Chuyên viên KS;
- Lưu VT, (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Giang

BIỂU TỔNG HỢP TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC ĐẤT, ĐÁ ĐIỀU PHỐI CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá an dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
1	Dự án xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn		130.601		130.601		223.327.710	10,79	
1.1	Gói thầu số 14							0,1	
	Năm 2022	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	914		914	60.000	1.562.940	0,035	TP Tuyên Quang
			2.742		2.742	60.000	4.688.820	0,062	Huyện Yên Sơn
	Năm 2022	– Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng (địa chỉ: Số 63, đường Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; MST: 0100108984)	5.406		5.406	60.000	9.244.260	0.06	Huyện Yên Sơn
1.2	Gói thầu số 15							0.033	
	Năm 2022	Công ty CP đầu tư và xây dựng Tân Phát (Địa chỉ: Số 20, Khu phố 2, TT Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; MST: 2400406022)	348		348	60.000	595.080	0.023	Thành phố Tuyên Quang
	Năm 2022	Công ty TNHH MTV Đông Bắc (Địa chỉ: Số nhà 42A, đường Trần Nhân Tông, tổ 4, Phường Phan Thiết, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000271760)	66		66	60.000	112.860	0,01	Thành phố Tuyên Quang

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
1.3	Gói thầu số 16								
	Năm 2022	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ SIB Việt Nam (Địa chỉ: số 16A5 Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; MST: 0104491514)	682		682	60.000	1.166.220	0,2	Huyện Yên Sơn
1.4	Gói thầu số 17								
	Năm 2022	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lương Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	81.946		81.946	60.000	140.127.660	3,8	Huyện Yên Sơn
1.5	Gói thầu số 18								
	Năm 2022	Công ty cổ phần 873 – Xây dựng công trình giao thông (địa chỉ: Số 346, đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; MST: 0100108889)	38.497		38.497	60.000	65.829.870	6,6	Huyện Yên Sơn
2	Dự án xây dựng cầu Xuân Vân vượt sông Gâm, huyện Yên Sơn		91.262		91.262		156.058.020	1,75	
2.1	Gói thầu số 15							0,142	
	Năm 2022	Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương (địa chỉ: Tầng 15; tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội; MST: 0101218757)	7.407		7.407	60.000	12.665.970	0,142	Huyện Yên Sơn

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
2.2	Gói thầu số 16							1,608	
	Năm 2022	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Trung Thành (địa chỉ: SN 161, đường Trần Phú, tổ 17, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000217675)	38.535		38.535	60.000	65.894.850	0,739	Huyện Yên Sơn
	Năm 2023		45.320		45.320	60.000	77.497.200	0,869	Huyện Yên Sơn
3	Dự án xây dựng cầu qua sông Lô Km71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xa, huyện Hàm Yên		42.335		42.335		72.392.850	1,24	
3.1	Gói thầu số 15							0,312	
	Năm 2022	Công ty cổ phần xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu tổng hợp (địa chỉ: P304A – ô đất số 1, GoldenLand, số 275 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội; MST: 0101234445)	7.635		7.635	60.000	13.055.850	0,312	Huyện Hàm Yên
3.2	Gói thầu số 16							0,967	
	Năm 2022	Công ty cổ phần xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu tổng hợp (địa chỉ: P304A – ô đất số 1, GoldenLand, số 275 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội; MST: 0101234445)	24.049		24.049	60.000	41.123.790	0,743	Huyện Hàm Yên
	Năm 2023		10.651		10.651	60.000	18.213.210	0,224	Huyện Hàm Yên

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khôi lượng đất điều phối	Khôi lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
4	Dự án xây dựng cầu và tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ Km183 QL37 đi qua tổ dân phố Tân Kỳ, Tân Phúc qua Quốc lộ 2C đến Km188 QL37, tổ dân phố Đăng Châu, huyện Sơn Dương		77.980		77.980		133.345.800	6,574	
4.1	Gói thầu số 8							4,185	
	Năm 2023	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	49.652		49.652	60.000	84.904.920	4,1850	Huyện Sơn Dương
4.2	Gói thầu số 9							2,389	
	Năm 2023	Công ty cổ phần xây dựng Tuyên Hà Thịnh (Địa chỉ: Tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, Tuyên Quang; MST: 5000657443)	5.828		5.828	60.000	9.965.880	0,4914	Huyện Sơn Dương
	Năm 2023	Công ty TNHH 27/7 (Địa chỉ: Tổ dân phố xây dựng, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000212620)	11.250		11.250	60.000	19.237.500	0,9487	Huyện Sơn Dương
	Năm 2023	Công ty TNHH Phú Hưng (Địa chỉ: Tổ 7, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000232930)	11.250		11.250	60.000	19.237.500	0,9487	Huyện Sơn Dương

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
5	Dự án cải tạo, nâng cấp QL.2C đoạn Km217+150 - Km247+100, tỉnh Tuyên Quang		116.731	11.377	128.108		219.064.680	4,1596	
5.1	Gói thầu số 13							1.2393	
	Năm 2023	Công ty cổ phần XD TM XNK TỔNG HỢP (Địa chỉ: Số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; MST: 101234445)	12.152		12.152	60.000	20.779.920	0,2696	Huyện Chiêm Hóa
	Năm 2023	Công ty TNHH Phúc Thành An (Địa chỉ: Khu Bắc, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; MST: 2500241991)	25.133		25.133	60.000	42.977.430	0,9697	Huyện Chiêm Hóa
5.2	Gói thầu số 14							1,1345	
	Năm 2023	Công ty cổ phần tập đoàn xây dựng 168 Việt Nam (địa chỉ: Số 63, đường Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; MST: 106071201)	12.807		12.807	60.000	21.899.970	0,3782	Huyện Chiêm Hóa
			25.613		25.613	60.000	43.798.230	0,7563	Huyện Na Hang
5.3	Gói thầu số 15							1,7321	
	Năm 2023	Công ty TNHH Hoàng Ngọc (Địa chỉ: Số 30, đường Lý Thái Tổ, tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000225161)	7.243		7.243	60.000	12.385.530	0,5134	Huyện Na Hang

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
	Năm 2023	Công ty TNHH MTV Đông Bắc (Địa chỉ: Số nhà 42A, đường Trần Nhân Tông, tổ 18, đường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000271760)	6.693		6.693	60.000	11.445.030	0,8333	Huyện Na Hang
	Năm 2023	Công ty cổ phần Licogi 14 (Địa chỉ: Số 2068, đường Hùng Vương, phường Nông Tiến, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; MST: 2600106234)	27.090	11377	38.467	60.000	65.778.570	0,3854	Huyện Na Hang
6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hoà - Đức Ninh, huyện Hàm Yên		101.184		101.184		173.024.640		
6.1	Giai đoạn 1								
	Năm 2022	Công ty TNHH Vinh Ánh (Địa chỉ: Số 565, tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000269747)	55.264		55.264	60.000	94.501.440	1,26	Huyện Hàm Yên
	Năm 2022	Công ty TNHH Tân Thịnh Tuyên Quang (Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000269722)	15.371		15.371	60.000	26.284.410	1,7	Huyện Hàm Yên

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
6.2	Giai đoạn 2								
	Năm 2023	Công ty TNHH Vinh Ánh (Địa chỉ: Số 565, tổ dân phố Tân Yên, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000269747)	8.871		8.871	60.000	15.169.410	0,17	Huyện Hàm Yên
	Năm 2023	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Quang Sáng (Địa chỉ: Thôn 3 Minh Phú, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000255173)	21.678		21.678	60.000	37.069.380	0,52	Huyện Hàm Yên
7	Dự án xây dựng đường từ khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến QL2D kết nối với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ		379.583		379.583		649.086.930	8,054	
7.1	Gói thầu số 8							4,761	
	Năm 2023	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Luông Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	66.165		66.165	60.000	113.142.150	4,065	Thành phố Tuyên Quang
	Năm 2023	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng (Địa chỉ: Tổ 7, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000217354)	79.462		79.462	60.000	135.880.020	0,696	Thành phố Tuyên Quang

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
7.2	Gói thầu số 9							3,293	
	Năm 2023	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng (Địa chỉ: Tổ 7, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000217354)	168.957		168.957	60.000	288.916.470	1,743	Huyện Yên Sơn
	Năm 2023	Công ty TNHH Phúc Thành An (Địa chỉ: Khu Bắc, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; MST: 2500241991)	64.999		64.999	60.000	111.148.290	1.55	Huyện Yên Sơn
8	Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai		977.963	588.095	1.566.058		2.677.959.180	31,3	
8.1	Gói thầu số 26							11,92	
	Năm 2022	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lưỡng Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	327.436	96.579	424.015	60.000	725.065.650	2,19	Thành phố Tuyên Quang
		Công ty cổ phần Licogi 14 (Địa chỉ: Số 2068, đường Hùng Vương, phường Nông Tiến, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; MST: 2600106234)	88.250	201.275	289.525	60.000	495.087.750	2,684	Thành phố Tuyên Quang
		Công ty cổ phần Tập đoàn Thuận An - TAG (Địa chỉ: Tầng 4, toàn nhà Vinaconex 9, Lô HH2 - 2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; MST: 0101520598)	558.114	288.538	846.652	60.000	1.447.774.920	6,93	Huyện Yên Sơn

TT	Tên dự án	Nhà thầu thực hiện	Khối lượng đất, đá tận dụng điều phối (m3)			Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đồng/m3)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Đồng)	Diện tích đất khai thác điều phối nội tuyến (ha)	Địa điểm thực hiện
			Khối lượng đất điều phối	Khối lượng đá điều phối	Tổng cộng (Q)				
	Năm 2023	Công ty TNHH Hiệp Phú (địa chỉ: Thôn 8, xã Lương Vượng, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; MST: 5000197820)	225		225	60.000	384.750	0,012	Thành phố Tuyên Quang
		Công ty cổ phần Tập đoàn Thuận An - TAG (Địa chỉ: Tầng 4, toàn nhà Vinaconex 9, Lô HH2 - 2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; MST: 0101520598)	3.938	1.703	5.641	60.000	9.646.110	0,1	Huyện Yên Sơn
	Tổng cộng		1.917.638	599.472	2.517.110		4.304.258.000		

